

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2020/HC-ST

Ngày: 25-12-2020

V/v khiếu kiện: Quyết định
hành chính về lĩnh vực quản lý
đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Tuyền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Viện và ông Hoàng Mạnh Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Phương Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 25/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2020/TLST- HC ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc “khiếu kiện quyết định hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2020/QĐXXST - HC ngày 08/12/2020 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trương Văn Th - Sinh năm: 1959 - Địa chỉ: Thôn Yên Lộc, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa - Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Công H - Sinh năm: 1991 - Địa chỉ: Tầng 7, số 31 Vũ Ngọc Phan, quận Đ, thành phố H (theo giấy ủy quyền ngày 02/11/2020) - Có mặt.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Tiểu khu Ba Đình 2, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thịnh Văn H - Phó Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Thanh Hóa (văn bản ủy quyền ngày 20/6/2020) - Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt số 2038/UBND-TNMT ngày 11/12/2020).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn D - Chủ tịch UBND huyện - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thịnh Văn H - Phó Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Thanh Hóa (văn bản ủy quyền ngày 20/6/2020) - Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt số 2038/UBND-TNMT ngày 11/12/2020)

2/ Ủy ban nhân dân xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Bá B - Chủ tịch UBND xã - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Hữu H - Phó Chủ tịch UBND xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (văn bản ủy quyền ngày 18/8/2020) - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2020 và tại bản tự khai ngày 28/6/2020, người khởi kiện ông Trương Văn Th trình bày:

Gia đình ông Trương Văn Th có thửa đất số 355, tờ bản đồ số 01, bản đồ 299, diện tích 240m². Nguồn gốc đất được Nhà nước giao tự chủ phát triển kinh tế gia đình thời điểm trước năm 1970, thửa đất gia đình ông được cấp đơn xen trong khu dân cư ông đang quản lý sử dụng ổn định. Năm 1994 xã Y giao đất nông nghiệp cho ông Th gồm 15 thửa đất ruộng, tổng diện tích 2633 m². Năm 1994, UBND huyện N cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Th gồm 15 thửa đất ruộng và 1 thửa đất ở là 16 thửa đất, diện tích 3012 m². Năm 1997, xã Y dồn điền đổi thửa lần nhất nhà ông Th từ 15 thửa ruộng còn 7 thửa ruộng. Năm 2004, xã Y dồn điền đổi thửa lần 2 nhà ông Th từ 7 thửa ruộng còn 6 thửa ruộng. Năm 2007, xã Y dồn điền đổi thửa lần 3 nhà ông Th từ 6 thửa ruộng còn 3 thửa ruộng. Năm 2010, xã Y đo vẽ bản đồ địa chính xã, ghi nhận ông Th là người có tên sử dụng thửa 355, loại đất 10% bản đồ 299 nay thành thửa 122, loại đất ở nông thôn bản đồ địa chính xã. Năm 2019, ông Th được UBND xã Y xác nhận trong đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận QSD đất là chủ sử dụng thửa đất 355, tờ 01, bản đồ 299 diện tích 240 m² nay là thửa 122, tờ 16, diện tích 224m², bản đồ địa chính xã Y.

Ngày 04/4/2019, UBND xã Y đã có Tờ trình gửi UBND huyện N đề nghị xác định nghĩa vụ tài chính cho ông Th để cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Th đối với thửa đất 355, tờ 01, bản đồ 299 diện tích 240 m² nay là thửa 122, tờ 16, diện tích 224m², bản đồ địa chính xã Y. Ngày 22/4/2019 UBND huyện có phiếu trả hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận QSD đất của ông Th với lý do: Đất nhà ông Th nằm trong phần lưu không đường quốc lộ 10B. Ngày 25/5/2019, ông Th có đơn khiếu nại lần một nhưng không có thông báo thụ lý, không có quyết định giải quyết khiếu nại. Ngày 26/7/2019, UBND huyện N có thông báo kết luận hội nghị số 179/TB-UBND có nội dung giải quyết đơn khiếu nại của ông Th, kết luận nêu ông Th không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận QSD đất. Ngày 10/8/2019, ông Th tiếp tục có khiếu nại lần hai. Ngày 29/10/2019, UBND huyện tổ chức đối thoại và có biên bản ghi nhận ý kiến của ông Th và ý kiến của đại diện UBND. Ngày 31/10/2019, Chủ tịch UBND huyện có quyết định số 3885 giải quyết khiếu nại của ông Th, kết quả ông Th không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận QSD đất. Không đồng ý với kết luận giải quyết khiếu nại, vì vậy ông yêu cầu Tòa án: Hủy quyết

định giải quyết khiếu nại số 3885 ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện N; đề nghị UBND huyện N xem xét cấp GCNQSD đất cho gia đình ông.

* Ngày 29/10/2020, ông Trương Văn Th có đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện như sau:

Theo quy hoạch sử dụng đất xã Y được phê duyệt thì thửa đất của gia đình ông đang sử dụng có một phần nằm trong phạm vi đất để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình giao thông đường bộ. Tuy nhiên giới hạn hành lang an toàn đường bộ và phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ chưa được cơ quan có thẩm quyền cắm mốc, xác định chính xác trên thực địa, Bộ Giao thông vận tải cũng chưa phê duyệt Dự án mở rộng nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 10 đoạn từ Nga Sơn đi Hoằng Hóa nên cũng chưa có chỉ giới, mốc giới cần giải phóng mặt bằng nên Chủ tịch UBND huyện N cho rằng toàn bộ thửa đất của ông nằm trong phạm vi đất để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình giao thông đường bộ là chưa có cơ sở vững chắc.

Sau khi xem xét, thẩm định tại chỗ và đối chiếu với các quy định ông Th thấy diện tích của gia đình ông sau khi trừ đi phần đất thuộc đường bộ và đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn giao thông đường bộ vẫn đảm bảo đủ diện tích tối thiểu theo quy định của UBND tỉnh Thanh Hóa để được cấp GCNQSD đất. Việc văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Nga Sơn trả lại hồ sơ cấp GCNQSD đất cho ông là chưa phù hợp, Chủ tịch UBND huyện N không chấp nhận toàn bộ khiếu nại của ông là không đúng. Ông có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền cho chuyển đổi một phần diện tích đất đang sử dụng không nằm trong phần đất thuộc đường bộ và đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn giao thông đường bộ. Do đó, ông đề nghị hủy bỏ một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 3885/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện N, cụ thể là hủy phần kết luận và Điều 1 phần quyết định trong Quyết định giải quyết khiếu nại số 3885/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện N; đề nghị UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với một phần thửa đất số 355, tờ bản đồ số 01, bản đồ 299 (nay là thửa số 122 tờ bản đồ số 16, bản đồ địa chính xã Y năm 2010) không nằm trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ.

* Tại Công văn số 964/UBND-TNMT ngày 26/6/2020, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện N có ý kiến: Tháng 6/2019, UBND huyện N nhận được đơn đề nghị của ông Trương Văn Th đề nghị cấp GCNQSD đất ở tại thửa đất số 355 tờ bản đồ số 01 (BĐ 299TTg xã Y). UBND huyện đã giao cho phòng chuyên môn tham mưu và báo cáo tại hội nghị UBND huyện vào ngày 22/7/2019. Chủ tịch UBND huyện đã kết luận số 179/TB-UBND ngày 26/7/2019 về việc giải quyết đơn thư khiếu nại của ông Trương Văn Th với nội dung: UBND huyện N phối hợp với các đơn vị có liên quan và UBND xã Y làm việc với hộ gia đình ông Trương Văn Th để xác định nguồn gốc sử dụng đất và các hồ sơ có liên quan, đoàn làm việc đã có văn bản tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 3885/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Văn Th thôn Yên Lộc, xã Y, huyện N là đúng quy định của pháp luật. Việc ông Trương Văn Th có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3885/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 là không có cơ sở pháp lý.

* Tại báo cáo về nguồn gốc sử dụng đất của gia đình ông Trương Văn Th, thôn Yên Lộc, xã Y ngày 25/6/2020 của UBND xã Y:

Về nguồn gốc sử dụng đất: Đất được giao là đất 10% (kinh tế hộ gia đình), mục đích nông nghiệp. Năm 1994, gia đình đã được UBND huyện N cấp GCNQSD đất tại thửa đất số 355 tờ bản đồ số 01 BĐ 299TTg xã Y. Theo bản đồ 299TTg và theo sổ mục kê tại thửa 355 tờ bản đồ số 01 BĐ 299TTg xã Y đăng ký chủ sử dụng ông Trương Văn Th, loại đất chuyên màu %, diện tích 240m². Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2010: Vị trí đất này thuộc thửa đất số 122 tờ bản đồ số 16 BĐ ĐC xã Y, mục đích: Đất ở nông thôn.

Hiện trạng sử dụng đất: Gia đình đã xây dựng công trình trên đất từ khoảng trước năm 1990.

* Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/11/2020, kết quả như sau:

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 355, tờ bản đồ số 01 (bản đồ 299TTg xã Y) đăng ký tên sử dụng ông Trương Văn Th, nay thuộc thửa đất số 122, tờ bản đồ số 16 (BĐ ĐC xã Y) diện tích 224m² tại thôn Yên Lộc, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa: Diện tích đo đạc thực tế là 221,95m². Vị trí tiếp giáp: Phía Đông giáp với quốc lộ 10 là 12m; Phía Tây giáp với nhà bà Mai Thị Phụng là 11,53m; Phía Nam giáp với ngõ xóm là 17,59m; Phía Bắc giáp với nhà ông Mai Văn Kỳ là 20,61m.

Tài sản gắn liền với đất: 01 nhà cấp 4, diện tích 12m²; 01 bếp diện, tích 5m²; 01 nhà vệ sinh + tắm, diện tích 2m²; 01 nhà kho chứa đồ, diện tích 3m²; khu chăn nuôi diện tích 12m². Toàn bộ công trình trên được xây dựng vào năm 1986.

Tại phiên tòa ông Trương Văn Th vẫn giữ nguyên yêu cầu như đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 29/10/2020.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, tổ chức đối thoại, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến tại phiên tòa sơ thẩm; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 BLTTHC 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn Th đối với các nội dung ông Th đã khởi kiện: Hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 3885/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của chủ tịch UBND huyện N, cụ thể là hủy phần kết luận và Điều 1 phần quyết định trong Quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên. Đề nghị UBND huyện N xem xét cấp GCNQSD đất đối với một phần thửa đất số 355, tờ bản đồ số 01, bản đồ 299 (nay là thửa số 122, tờ bản đồ số 16, bản đồ địa chính xã Y năm 2010) không nằm trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của hộ ông Trương Văn Th theo quy định của pháp luật. Về án phí: Ông Trương Văn Th không phải chịu án phí HCST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Tại phiên tòa sơ thẩm, UBND huyện N đã có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; những người còn lại đã có ủy quyền, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

[1.2] Về quyền khởi kiện:

Ông Trương Văn Th là chủ sở hữu của thửa đất 335, tờ 01, bản đồ 299 diện tích 240 m² nay là thửa 122, tờ 16, diện tích 224m², bản đồ địa chính xã Y. Ông Th làm hồ sơ đề nghị UBND huyện N cấp GCNQSD đất nhưng đã bị trả lại hồ sơ, ông đã làm đơn khiếu nại lần 1, kết luận ông Th không đủ điều kiện cấp GCNQSD đất. Ông Th tiếp tục khiếu nại lần 2, ngày 31/10/2019, Chủ tịch UBND huyện N đã ra quyết định giải quyết khiếu nại 3885/QĐ-UBND kết luận ông Th không đủ điều kiện cấp GCNQSD đất, như vậy là có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của ông Th nên ông Th có quyền khởi kiện theo khoản 14 Điều 22 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 115 Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 31/10/2019, Chủ tịch UBND huyện N ra Quyết định giải quyết khiếu nại đối với ông Trương Văn Th, ngày 25/5/2020 ông Th nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa khởi kiện vụ án hành chính nên Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu theo khoản 4 Điều 32; khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét nội dung ông Th yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 3885/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện N:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hình thức ban hành Quyết định số 3885/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Trương Văn Th được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 27, 28, 29, 30, 31 Luật khiếu nại năm 2011.

[2.2] Xét về nguồn gốc đất:

Theo bản đồ 299 xã Y xác lập năm 1984, thửa đất ông Trương Văn Th đang khiếu nại thuộc thửa số 355, tờ bản đồ số 01, diện tích thửa đất là 240m², loại đất chuyên màu. Theo hồ sơ địa chính xã Y lập vào năm 2010 thửa đất gia đình ông Th sử dụng thuộc thửa số 122, tờ bản đồ số 16, diện tích 224m², loại đất ở nông thôn (ONT). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện N cấp cho ông Trương Văn Th ngày 15/8/1994 thì thửa đất số 355, tờ bản đồ số 01, diện tích 396m², mục đích sử dụng: chuyên màu, thời hạn sử dụng 08/2014. Theo lời trình bày của ông Th thì nguồn gốc đất được Nhà nước giao tự chủ phát triển kinh tế gia đình thời điểm năm 1970, đất trồng màu để làm kinh tế phụ gia đình.

Xét thấy, thửa số 355, tờ bản đồ số 01 (bản đồ 299/TTg) và sau này là thửa số 122, tờ bản đồ số 16, diện tích 224m² bản đồ địa chính xã Y có nguồn gốc là đất

chuyên màu, thuộc loại đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, đã được UBND huyện N cấp GCNQSD đất nên thửa đất này thuộc trường hợp đất được xác định mục đích sử dụng đất theo GCNQSD đất đã cấp. Hồ sơ địa chính xã Y lập năm 2010 ghi loại đất ở nông thôn (ONT) là không đúng với GCNQSD đất đã được cấp, đây có thể là sai sót trong quá trình đo đạc, lập hồ sơ địa chính. Ông Th đã tự chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất chuyên màu sang đất ở kết hợp với kinh doanh, không có quyết định xử lý, ngăn chặn của cơ quan có thẩm quyền. Thửa đất của ông Th đang sử dụng hiện nay thuộc khu dân cư nông thôn phù hợp một phần quy hoạch sử dụng đất của xã Y. Do thửa đất của ông Th đã được cấp GCNQSD đất với mục đích sử dụng vào đất chuyên màu nên nếu ông Th muốn làm thủ tục đề nghị UBND huyện N cấp đổi sang GCNQSD đất để sử dụng vào mục đích đất ở thì phải làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất và nộp tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định (nếu có).

[2.3] Xét nội dung ông Trương Văn Th khiếu nại thửa đất gia đình ông đang sử dụng có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Theo quy hoạch sử dụng đất xã Y thì thửa đất của ông Trương Văn Th đang sử dụng nằm trong phạm vi đất để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình giao thông đường bộ. Tuy nhiên Giới hạn hành lang an toàn đường bộ và phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ chưa được cơ quan có thẩm quyền cắm mốc, xác định chính xác trên thực địa, Bộ Giao thông vận tải cũng chưa phê duyệt Dự án mở rộng nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 10 đoạn từ Nga Sơn đi Hoằng Hóa nên cũng chưa có chỉ giới, mốc giới cần giải phóng mặt bằng. Chủ tịch UBND huyện N cho rằng toàn bộ thửa đất của ông Trương Văn Th nằm trong phạm vi đất để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình giao thông đường bộ là chưa có cơ sở vững chắc, bởi:

Căn cứ theo Quyết định số 356/QĐ-TTg ngày 25/2/2013 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường bộ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến 2030 thì đối với tuyến Quốc lộ 10 đoạn từ Điền Hộ, xã Nga Điền, huyện Nga Sơn đến huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa thuộc đường cấp III với 02 làn xe; theo TCVN 4054:2005 đường ô tô chiều rộng nền đường đối với đường cấp III tối thiểu là 12m (địa hình đồng bằng và đồi).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định 11/2020/NĐ-CP ngày 24/10/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thì phần dọc theo hai bên đường để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ thì phần đất dọc theo hai bên đường để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ đối với QL10 theo Quyết định số 356/QĐ-TTg là 2m.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định 11/2020/NĐ-CP thì hành lang an toàn đường bộ trong khu vực ngoài đô thị đối với đường cấp III (đoạn Quốc lộ 10 qua Nga Sơn) theo quy hoạch là 13m.

Ngoài phần đất thuộc hành lang an toàn đường bộ là phần đất dọc hai bên đất của đường bộ nhằm bảo đảm an toàn giao thông và bảo vệ công trình đường bộ thì còn đất của đường bộ (bao gồm phần đất trên đó công trình đường bộ được xây dựng) và phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ: Căn cứ theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 3937/QĐ-

TCĐBVN ngày 01/12/2015 của Tổng cục đường bộ Việt Nam thì đoạn Quốc lộ 10 Nga Sơn, Thanh Hóa (Km số 187) đến Bút Sơn, Hoàng Hóa (Km số 223) thuộc đường cấp Vđb. Đối chiếu theo TCVN 4054:2005 thì đường ô tô cấp Vđb có chiều rộng nền đường tối thiểu là 7,5m, đối với địa hình đồng bằng và đồi (quy định tại Bảng 6 - Chiều rộng tối thiểu các yếu tố trên mặt cắt ngang cho địa hình đồng bằng và đồi), suy ra mỗi bên sẽ có chiều rộng tối thiểu là 3,75m. Căn cứ theo khoản 2, Điều 14 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ thì phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ có bề rộng theo cấp đường, được xác định từ mép ngoài cùng của nền đường bộ (chân mái đường đắp hoặc mép ngoài của rãnh dọc tại các vị trí không đào không đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào) ra mỗi bên là 01 mét đối với đường từ cấp IV trở xuống.

Xem xét các quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và các văn bản liên quan thì phần đất của đường bộ và phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ được xác định theo cấp đường hiện tại (cấp Vđb), không có quy định nào để cho rằng hai phần đất nêu trên được xác định dựa trên cấp đường theo quy hoạch. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 3885/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 thì phần đất của đường bộ và phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ được xác định dựa trên cấp đường theo quy hoạch là không đúng, lẽ ra trong trường hợp này chủ tịch UBND huyện N phải dựa theo cấp đường hiện tại để từ đó xác định chiều rộng của hai phần đất này theo cấp đường hiện tại mới đúng.

Tổng hợp các quy định về kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, phạm vi đất dành cho đường bộ và giới hạn hành lang an toàn cho giao thông đường bộ thì đối với QL10 hiện tại là đường cấp Vđb và được quy hoạch cấp kỹ thuật là đường cấp III thì chiều rộng dành cho đường bộ và giới hạn hành lang bảo vệ đường bộ tính từ tim đường được xác định như sau: Mặt cắt chiều rộng nền đường ($7,5:2 = 3,75\text{m}$) + Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ (1m) + hành lang an toàn đường bộ (13m) = 17.75m.

Căn cứ theo kết quả thẩm định tại chỗ ngày 10/11/2020 (kết quả đo thực tế của Công ty TNHH đo đạc bản đồ số 1 Thanh Hóa), thửa đất gia đình ông Trương Văn Th đang sử dụng có tứ cạnh như sau: Phía Đông giáp QL10 là 12m, phía Tây giáp hộ dân là 11,53m, phía Nam giáp ngõ đi chung của xóm là 23,72m (tính từ tim đường), phía Bắc giáp hộ dân 27,85m (tính từ tim đường) có diện tích là $221,95\text{m}^2$. Sau khi trừ đi các cạnh nằm ở phía Nam và phía Bắc của thửa đất (trừ đi phần đất thuộc đường bộ và đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn giao thông đường bộ là 17,75m) thì phần diện tích đất còn lại của cạnh phía Nam là 6 m, cạnh phía Bắc là 9,44m. Diện tích đất còn lại là $88,25\text{m}^2$.

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Quyết định 4463/2014/QĐ-UBND được sửa đổi tại Quyết định 4655/2017/QĐ-UBND tỉnh Thanh Hoá quy định về điều kiện tách thửa và diện tích tách thửa tại Thanh Hoá (về diện tích là 50m^2 ; về kích thước cạnh là 4 m) thì xét thấy diện tích của gia đình ông Trương Văn Th sau khi trừ đi phần diện tích dành cho đường bộ và giới hạn hành lang bảo vệ đường bộ tính từ tim đường vẫn đảm bảo đủ diện tích tối thiểu theo quy định của

UBND tỉnh Thanh Hóa đề được cấp GCNQSD đất. Từ nhận định trên cho thấy Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Nga Sơn trả lại hồ sơ cấp GCNQ SD đất của ông Trương Văn Th là chưa phù hợp, chủ tịch UBND huyện N không chấp nhận toàn bộ khiếu nại của ông Trương Văn Th cũng là không đúng. Trong trường hợp này ông Th có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền cho chuyển đổi một phần diện tích đất đang sử dụng không nằm trong phần đất thuộc đường bộ và đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn giao thông đường bộ như nhận định đã nêu. Do vậy, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn Th để hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 3885/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của chủ tịch UBND huyện N.

Ông Trương Văn Th có đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề nghị hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 3885/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện N nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn Th.

[3] Về án phí: Do yêu cầu được chấp nhận nên ông Trương Văn Th không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; Chủ tịch UBND huyện N bị hủy một phần quyết định hành chính nên phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

+ Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

- Điều 49, Điều 50 Luật đất đai năm 2003; khoản 14 Điều 22, Điều 99, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 27, 28, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 1, 2 Điều 14, khoản 1 Điều 15 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính Phủ; khoản 2 Điều 1 Nghị định 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính Phủ; Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn Th, hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 3885/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của chủ tịch UBND huyện N, cụ thể là hủy phần kết luận và Điều 1 phần quyết định trong Quyết định giải quyết khiếu nại số 3885/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện N.

Đề nghị UBND huyện N chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trương Văn Th đối với một phần thửa đất số 355, tờ bản đồ số 01, bản đồ 299 (nay là thửa số 122 tờ bản đồ số 16, bản đồ địa chính xã Y năm 2010), có diện tích không nằm trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Ông Trương Văn Th, UBND xã Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chủ tịch UBND huyện N; UBND huyện N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THA DS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Văn Tuyển